TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24/5/2023
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tưởng Thị Thu và ông Nguyễn Xuân Tuyến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lương Chung Duy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa*:** Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 313/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Triệu Thị T, sinh năm 1972.

ĐKHKTT: Thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở: Thôn Vàng N, xã Trung M, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 02 không có L do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang ngày 18/7/2004. Chị và anh L được cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, sau khi kết hôn chị và anh L cùng chung sống tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm Hóa. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, sau đó thì đánh đập, chửi chị, việc này xảy ra nhiều lần có sự chứng kiến của người dân trong thôn. Chị đã nhiều lần khuyên anh L nhưng anh L không thay đổi mà còn xúc phạm, đánh chị. Trong suốt thời gian xảy ra mâu thuẫn, chị không nhờ thôn, xóm và gia đình can thiệp hòa giải. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn L.

- Về con chung: Chị và anh Bàn Văn L có 02 con chung tên Bàn Thị H sinh ngày 01/6/1998 và Bàn Văn H sinh ngày 28/11/2000. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động bình thường, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai của anh Bàn Văn H (con của chị Triệu Chị T và anh Bàn Văn L) trình bày: Bố mẹ anh chung sống tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bố anh thường uống rượu, cả hai thường xuyên cãi chửi nhau. Đến năm 2020, bố mẹ anh bắt đầu sống ly thân. Mẹ anh ít khi về nhà thăm con cái và cũng không quan tâm, hỏi thăm gì đến bố anh. Mẹ anh có nói chuyện với anh là đã xác định tình cảm vợ chồng với bố anh không còn, đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bố anh. Về con chung, bố mẹ anh có 02 con chung là chị Bàn Thị H sinh ngày 01/6/1998 và anh là Bàn Văn H sinh ngày 28/11/2000, hiện nay đều đã trên 18 tuổi, có khả năng tự lao động kiếm sống. Về tài sản chung, anh có quan điểm để bố mẹ anh tự thỏa thuận. Về nợ chung, anh xác định không có. Anh xác định hiện nay anh sinh sống cùng bố anh tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, nhưng bố anh ban ngày thường xuyên đi vắng, sáng đi, tối mới về, anh đã giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho bố anh, nhưng bố anh xác định không đến Tòa án làm việc.

* Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương được biết: Anh Bàn Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, hiện nay anh L đang có mặt tại địa phương, nhưng ban ngày thường hay vắng mặt không có ở nhà, sáng đi, tối về. Anh L và chị T đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, sau khi kết hôn thì chung sống tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình anh L và chị T chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, không chịu khó làm việc, cả hai hay cãi chửi nhau, chị T thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình. Chị T và anh L hiện đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Bàn Thị H, sinh ngày 01/6/1998 và Bàn Văn H, sinh ngày 28/11/2000, hiện cả hai con đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Bàn Văn L đều vắng mặt không có L do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Về con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường. Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung, chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T, xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Bàn Văn L; về con chung: Con chung Bàn Thị H, sinh ngày 01/6/1998 và Bàn Văn H, sinh ngày 28/11/2000 đã trên 18 tuổi, không đề nghị xem xét; về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không đề nghị xem xét; về vay nợ chung, chị T xác định không có, không đề nghị xem xét; về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Triệu Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn đối với anh Bàn Văn L, nơi cư trú: Thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Bàn Văn L đã được triệu tập hợp lệ hai lần những vắng mặt không có lý do, nên căn cứ các

Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang ngày 18/7/2004, do vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Triệu Thị T và anh Bàn Văn L chung sống tại thôn Khuổi L, xã Linh P, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, không chịu làm việc, đánh chửi chị chị T, chị T thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình. Chị T và anh L đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã rất trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Bàn Thị H, sinh ngày 01/6/1998 và Bàn Văn H, sinh ngày 28/11/2000, cả hai đã trên 18 tuổi, có khả năng nhận thức và lao động bình thường, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bàn Văn L không phải nộp án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị T được ly hôn anh Bàn Văn L.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006054 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Linh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Thị Thu **Nguyễn Xuân Tuyến** **Hoàng Mạnh Tuấn**